

TỔNG MỤC LỤC NĂM 2011

- Đào Duy Anh, Hoàng Thị Minh Thảo, 2011:** Đặc điểm khoáng vật quặng Talc mỏ Thu Ngạc, tỉnh Phú Thọ. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 625-634.
- Trần Tuấn Anh, Gaskov I.V., Trần Trọng Hòa, Nevolko P.A., Phạm Thị Dung, Bùi Ân Niên, Phạm Ngọc Cẩn, 2011:** Đặc điểm khoáng vật - địa hóa và nguồn gốc các mỏ chì - kẽm cấu trúc Lô Gâm, miền Bắc Việt Nam. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 393-408.
- Nguyễn Hồng Bằng, 2011:** Tính thông số tầng chứa nước theo tài liệu carota đạt hiệu quả cao trong thiết kế, xây dựng giếng khai thác nước tầng sâu ở đồng bằng Sông Cửu Long. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 220-223.
- Trịnh Việt Bắc, Đinh Văn Toàn, Lại Hợp Phòng, Trần Anh Vũ, 2011:** Điều kiện nền đất ảnh hưởng bởi tác động động đất khu vực phía tây nội thành Hà Nội. Tc CKHvTĐ, T.33, 3DB, 567-572.
- Bùi Tiến Bình, 2011:** Một số kết quả nghiên cứu mới ranh giới mặn nước dưới đất vùng đồng bằng Nam Bộ. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 377-385.
- Trần Cảnh, Trịnh Việt Bắc, Lại Hợp Phòng, Trần Anh Vũ, 2011:** Xác định các vị trí thâm, xói lở vai công trình công thủy lợi bằng kết hợp các công nghệ địa vật lý nông. Tc CKHvTĐ, T.33, 3DB, 573-581.
- Phạm Ngọc Cẩn, Trần Tuấn Anh, Trần Trọng Hòa, Phạm Thị Dung, Ngô Thị Phượng, Trần Quốc Hùng, Bùi Ân Niên, Nguyễn Viết Ý, Trần Văn Hiếu, 2011:** Đặc điểm quặng hóa và khoáng vật các mỏ kẽm chì khu vực Làng Hích. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 85-93.
- Đặng Nam Chính, Nguyễn Duy Đô, 2011:** Các tham số hàm hiệp phương sai số dư dị thường độ cao cục bộ và độ cao Geoid theo mô hình trọng trường toàn cầu GM2008 trên vùng Tây Nguyên. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 695-701.
- Lê Văn Công, Nguyễn Thọ Sáo, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Quang Thành, 2011:** Mô phỏng quá trình lan truyền và biến đổi vết dầu trên Biển Đông bằng mô hình toán. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 360-368.
- Lê Văn Anh Cường, Nguyễn Thành Ván, Nguyễn Văn Giảng, Đặng Hoài Trung, Võ Minh Triết, 2011:** Nghiên cứu dịch chuyển Kirchhoff để xác định mô hình vận tốc trong phương pháp điện từ tần số cao. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 142-150.
- Nguyễn Bá Duẩn, Đặng Thanh Hải, Vũ Đức Minh, Lê Thị Thúy Hiền, 2011:** Nghiên cứu xác định nguyên nhân trượt lở khu vực cầu Móng Sên, tỉnh Lào Cai. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 164-174.
- Phạm Thị Dung, Trần Trọng Hòa, Trần Tuấn Anh, Ngô Thị Phượng, Nguyễn Viết Ý, Hoàng Thị Việt Hằng, Vũ Thị Thương, Vũ Hoàng Ly, 2011:** Đặc điểm hình thái và thành phần hóa học của zircon trong granitoid khối nâng Phan Si Pan: ý nghĩa của chúng trong việc xác định nguồn gốc đá và lựa chọn cho phân tích đồng vị. Tc CKHvTĐ, T.33, 3DB, 423-435.
- Nguyễn Ánh Dương, 2011:** Nguyên liệu khoáng hoạt tính từ một số đá phun trào axit và trung tính ở Việt Nam và ý nghĩa thực tiễn của chúng. Tc CKHvTĐ, T.33, 3DB, 599-605.
- Nguyễn Ánh Dương, Fumiaki Kimata, Trần Đình Tô, Nguyễn Đình Xuyên, Phạm Đình Nguyên, Vy Quốc Hải, Dương Chí Công, 2011:** Đánh giá chuyển động hiện đại đứt gãy Lai Châu - Điện Biên sử dụng chuỗi số liệu đo GPS 2002 - 2010. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 690-694.
- Nguyễn Thùy Dương, Nguyễn Mạnh Linh, 2011:** Kết quả phân tích bào tử, phấn hoa trong hai lỗ khoan vùng Hà Nội và mối liên hệ với biến đổi khí hậu và hệ thực vật trong Holocene. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 297-305.

- 16. Phạm Việt Hà, Ngô Văn Liêm, Bùi Thị Lê Hoàn, 2011:** Phân tích các yếu tố địa mạo phục vụ đánh giá tiềm năng và khai thác nhanh vàng sa khoáng khu vực thượng nguồn sông Sekaman - CHDCND Lào. Tc CKHVTD, T.33, **4**, 652-660.
- 17. Hà Quang Hải, Vương Thị Mỹ Trinh, 2011:** Tương quan xói lở - bồi tụ một số khu vực lòng sông Tiên, sông Hậu. Tc CKHVTD, T.33, **1**, 37-44.
- 18. Hà Quang Hải, Nguyễn Ngọc Tuyền, 2011:** Đa dạng địa học vùng Hà Tiên - Kiên Lương. Tc CKHVTD, T.33, **3**, 306-314.
- 19. Vỹ Quốc Hải, Trần Đình Tô, Ngô Văn Liêm, 2011:** Xác định chuyển dịch hiện đại đứt gãy Sông Hồng theo số liệu lưới GPS Tam Đảo - Ba Vì (1994 - 2007) . Tc CKHVTD, T.33, **3DB**, 474-479.
- 20. Trần Trọng Hòa, Trần Tuấn Anh, Phạm Thị Dung, Ngô Thị Phượng, Borisenko A.S., Izokh A.E., 2011:** Sinh khoáng Permi - Trias miền Bắc Việt Nam. Tc CKHVTD, T.33, **3DB**, 409-422.
- 21. Nguyễn Văn Hoàng, Ứng Quốc Khang, 2011:** Mô hình thấm nước mưa phục vụ phân tích ổn định sườn dốc khu vực thị trấn Cốc Pài - huyện Xín Mần - tỉnh Hà Giang. Tc CKHVTD, T.33, **1**, 78-84.
- 22. Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Quốc Thành, Lê Thành Công, 2011:** Một phương pháp định lượng phân cấp nguy cơ trượt đất áp dụng cho thị trấn Cốc Pài - huyện Xín Mần - tỉnh Hà Giang. Tc CKHVTD, T.33, **3DB**, 501-508.
- 23. Doãn Đình Hùng, Nguyễn Trung Minh, 2011:** Nghiên cứu hấp phụ Zn(II) dạng cột của hạt vật liệu BVNQ chế tạo từ đuôi thải quặng bauxit Bảo Lộc. Tc CKHVTD, T.33, **3DB**, 591-598.
- 24. Nguyễn Tiến Hùng, Kuo-Liang Wen, 2011:** Sơ đồ vi phân vùng động đất thành phố Hà Nội trên cơ sở các kết quả đo dao động vi địa chấn. Tc CKHVTD, T.33, **2**, 175-184.
- 25. Phạm Văn Hùng, 2011:** Đánh giá hiện trạng và phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất tỉnh Quảng Nam. Tc CKHVTD, T.33, **3DB**, 518-525.
- 26. Phạm Nam Hưng, Lê Văn Dũng, 2011:** Cấu trúc địa chất sâu khu vực Hà Nội và lân cận trên cơ sở phân tích tài liệu trọng lực. Tc CKHVTD, T.33, **2**, 185-190.
- 27. Phan Thiên Hương, 2011:** Nghiên cứu quá trình tạo mẫu phục vụ đo sóng địa chấn trong các pha ngâm nước có áp suất và nhiệt độ cao với mô hình đối hút chìm. Tc CKHVTD, T.33, **2**, 191-199.
- 28. Nguyễn Văn Hường, Phan Trọng Trịnh, Hoàng Ngọc Đăng, 2011:** Trạng thái ứng suất kiến tạo hiện đại khu vực bề Cửu Long. Tc CKHVTD, T.33, **3DB**, 457-464.
- 29. Chu Quốc Khánh, Lại Mạnh Giàu, Phan Minh Tuấn, Lê Thanh Hải, Đặng Văn Hậu, Phùng Đức Mạnh, 2011:** Xây dựng hệ thống chuẩn chung của cơ sở dữ liệu địa vật lý khu vực trong các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tc CKHVTD, T.33, **2**, 238-244.
- 30. Hoàng Thái Lan, Nguyễn Thu Trang, John Macdougall, 2011:** So sánh sự xuất hiện của Spread f xích đạo từ trong năm mặt trời hoạt động trung bình (2003) và hoạt động yếu (2005). Tc CKHVTD, T.33, **2**, 126-133.
- 31. Trần Thị Lan, Lê Huy Minh, 2011:** Biến thiên theo thời gian của nồng độ điện tử tổng cộng và nhập nháy điện ly theo số liệu GPS liên tục ở Việt Nam. Tc CKHVTD, T.33, **4**, 681-689.
- 32. Doãn Đình Lâm, 2011:** Vài nét về Địa chất - Địa mạo bán đảo Barton và Weiver, đảo King George, Nam Cực. Tc CKHVTD, T.33, **3DB**, 436-442.
- 33. Trần Thành Lê, Phạm Quý Nhân, Vũ Thanh Tâm, 2011:** Một số kết quả ban đầu xác định hệ số thấm bằng thí nghiệm nhanh Slug Test tại Nam Định. Tc CKHVTD, T.33, **4**, 674-680.

34. Ngô Văn Liêm, Phan Trọng Trịnh, Hoàng Quang Vinh, Nguyễn Văn Hường, 2011: Tốc độ chuyển dịch kiến tạo giai đoạn pleistocen giữa - muộn dọc đới đứt gãy Sông Hồng khu vực Lào Cai - Việt Trì. Tc CKHvTĐ, T.33, 3ĐB, 465-473.
35. Nguyễn Đức Lý, Nguyễn Thanh, Lê Thị Thúy Hiền, 2011: Quy trình xác lập, phân vùng giới hạn trượt lở ở sườn dốc cấu tạo từ đất đá không đồng nhất dọc đường giao thông vùng miền núi. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 386-392.
36. Lê Huy Minh, Đinh Văn Toàn, Võ Thanh Sơn, Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Bá Duẩn, Nguyễn Hà Thành, Lê Trường Thanh, Guy Marquis, 2011: Kết quả xử lý bước đầu số liệu đo sâu từ telua tuyến Hòa Bình - Thái Nguyên và tuyến Thanh Hóa - Hà Tây. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 18-28.
37. Nguyễn Trung Minh, 2011: Hạt vật liệu chế tạo từ bùn đỏ bauxit Bảo Lộc và định hướng ứng dụng trong xử lý ô nhiễm nước thải. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 231-237.
38. Nguyễn Văn Nam, 2011: Đặc điểm thành phần hoá, tuổi và điều kiện thành tạo của ruby, saphir trong đá biến chất đới Sông Hồng. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 642-651.
39. Võ Công Nghiệp, 2011: Cần có một cách nhìn đúng mực về tiềm năng địa nhiệt Việt Nam. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 329-336.
40. Bùi Ân Niên, Trần Trọng Hòa, Trần Tuấn Anh, Phạm Thị Dung, Phạm Ngọc Cẩn, Trần Văn Hiếu, Trần Quốc Hùng, Ngô Thị Phượng, 2011: Một số kết quả nghiên cứu mới về đặc điểm phân bố và thành phần vật chất của quặng hóa trong khu vực mỏ chì - kẽm Na Sơn. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 63-77.
41. Dương Thị Ninh, Mai Thị Lụa, Đặng Ngọc Thùy, Trần Anh Vũ, Lại Hợp Phòng, 2011: Áp dụng phương pháp điện từ tần số thấp dùng thiết bị Era trong nghiên cứu di tích Hoàng Thành Thăng Long. Tc CKHvTĐ, T.33, 3ĐB, 582-590.
42. Phan Đông Pha, Geptner A.R., Nguyễn Xuân Huyền, Petrova V.V., Lê Thị Nghinh, Nguyễn Minh Quảng, 2011: Phát hiện mới về hóa thạch stromatolit trong trầm tích hệ tầng Rinh Chùa, trũng Na Dương, Lạng Sơn. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 94-96.
43. Nguyễn Văn Phổ, Phạm Tích Xuân, 2011: Mô hình địa môi trường của các mỏ khoáng và ý nghĩa của chúng trong đánh giá ảnh hưởng môi trường do khai thác mỏ. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 661-668.
44. Lại Hợp Phòng, Đinh Văn Toàn, Trần Anh Vũ, 2011: Xác định hướng nghiêng của một số đứt gãy chính lãnh thổ miền Bắc Việt Nam bằng phương pháp tính cực đại Gradient ngang trọng lực. Tc CKHvTĐ, T.33, 3ĐB, 554-560.
45. La Thế Phúc, Trần Tân Văn, Lương Thị Tuất, Đoàn Thế Anh, Hồ Tiến Chung, Đặng Trần Huyền, Nguyễn Xuân Khiển, Đàm Ngọc, Đỗ Thị Yên Ngọc, Nguyễn Đại Trung, Phạm Khả Tuyền, Trương Quang Quý, 2011: Cao nguyên đá Đồng Văn - Công viên địa chất toàn cầu đầu tiên của Việt Nam và vấn đề bảo tồn di sản địa chất. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 45-54.
46. Nguyễn Hồng Phương, 2011: Đánh giá rủi ro động đất cho các thành phố lớn ở Việt Nam. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 337-346.
47. Nguyễn Hồng Phương, Phạm Thế Truyền, Adrien Moiret, 2011: Đánh giá nguy cơ bị tổn thương do sóng thần cho khu vực đô thị thành phố Nha Trang. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 1-9.
48. Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, 2011: Phân bố tổng carbon hữu cơ (TOC), tổng nitơ (TN), tỷ số TOC/TN và giá trị đồng vị bền carbon ($\delta^{13}C$) của vật chất hữu cơ trong trầm tích tầng mặt vịnh Tiên Yên. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 616-624.

49. **Hoàng Hải Sơn, Nguyễn Xuân Anh, Lê Việt Huy, Phạm Xuân Thành, 2011:** Xác định một số tham số hoạt động đông sét từ chuỗi số liệu mô phỏng. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 134-141.
50. **Phạm Quang Sơn, Nguyễn Công Quân, Đặng Đình Đoàn, 2011:** Diễn biến vùng ven biển cửa Thuận An (Thừa Thiên - Huế) trước và sau trận lũ lịch sử tháng 11-1999. Tc CKHvTĐ, T.33, 3ĐB, 526-537.
51. **Mai Thanh Tân, Phạm Văn Tỵ, Đặng Văn Bát, Lê Duy Bách, Nguyễn Biểu, Trần Nghi, Lê Văn Dung, 2011:** Một số đặc điểm địa chất Pliocen - Đệ tứ, địa chất công trình khu vực miền Trung và Đông Nam thêm lục địa Việt Nam. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 109-118.
52. **Vũ Trọng Tấn, Nguyễn Ngọc Thu, Võ Thị Hồng Quyên, 2011:** Đo tham số chấn động rung trong quản lý môi trường bằng các máy thăm dò địa chấn. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 224-230.
53. **Lê Trường Thanh, Lê Huy Minh, Hà Duyên Châu, Doumouya Vafi, Yves Cohen, 2011:** Dị thường và biến thiên theo mùa của dòng điện xích đạo. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 29-36.
54. **Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Hồng Lân, Phùng Văn Phách, Dư Văn Toán, Bùi Việt Dũng, Daniel Unverricht, Karl Statteger, 2011:** Xu hướng vận chuyển tích tụ trầm tích trên phần châu thổ ngậm ven bờ biển đồng bằng sông Mê Kông. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 607-615.
55. **Phạm Xuân Thành, Nguyễn Xuân Anh, Lê Việt Huy, Lê Như Quân, Hoàng Hải Sơn, Phạm Lê Khương, 2011:** Ảnh hưởng của mưa đầu mùa tới độ dày quang học sol khí tại Bạc Liêu. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 10-17.
56. **Trần Thị Mỹ Thành, Nguyễn Đình Xuyên, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Lê Minh, 2011:** Đánh giá nguy cơ sóng thần ở các vùng ven biển Việt Nam. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 209-219.
57. **Nguyễn Tất Thắng, 2011:** Mô phỏng, tính toán dòng chảy và quá trình truyền tải, khuếch tán nước thải ô nhiễm trong hồ. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 369-376.
58. **Đỗ Quang Thiên, Nguyễn Thị Ngọc Yến, Vũ Cao Minh, 2011:** Hoạt động Karst của khối đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng dưới góc độ thủy địa hoá. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 669-673.
59. **Bùi Văn Thơm, Nguyễn Đăng Túc, 2011:** Các kiểu trượt lở khu vực Cốc Pài huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Tc CKHvTĐ, T.33, 3ĐB, 509-517.
60. **Nguyễn Thị Minh Thuyết, Ngụy Tuyết Nhung, 2011:** Xác định biến loại của feldspar trong pegmatit granit Minh Tiên, Lục Yên. Tc CKHvTĐ, T.33, 4, 635-641.
61. **Nguyễn Thị Minh Thuyết, Ngụy Tuyết Nhung, Nguyễn Ngọc Khôi, 2011:** Nguồn gốc và điều kiện thành tạo của corindon trong đá gneis mô Trúc Lâu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tc CKHvTĐ, T.33, 1, 55-62.
62. **Nguyễn Thị Minh Thuyết, Ngụy Tuyết Nhung, Nguyễn Ngọc Khôi, 2011:** Đặc điểm tiêu hình của corindon Đăk Tôn. Tc CKHvTĐ, T.33, 3, 315-321.
63. **Đình Văn Toàn, Steven Harder, Trịnh Việt Bắc, Đoàn Văn Tuyên, Lại Hợp Phòng, Trần Anh Vũ, Nguyễn Thị Hồng Quang, 2011:** Kết quả nghiên cứu cấu trúc vỏ Trái Đất bằng tài liệu sóng khúc xạ của hai tuyến địa chấn dò sâu ở miền bắc Việt Nam. Tc CKHvTĐ, T.33, 3ĐB, 538-548.
64. **Cao Đình Triều, Nguyễn Bá Duẩn, Đặng Thanh Hải, Ngô Gia Thắng, Bùi Anh Nam, Nguyễn Đình Nguyên, 2011:** Một số kết quả nghiên cứu phân bố số, diện tích khu vực Nghệ An. Tc CKHvTĐ, T.33, 2, 97-108.
65. **Phan Trọng Trịnh, Nguyễn Văn Hương, Ngô Văn Liêm, Trần Đình Tô, Vy Quốc Hải, Hoàng Quang Vinh, Bùi Văn Thơm, Nguyễn Quang Xuyên, Nguyễn Viết Thuận, Bùi Thị Thảo, 2011:** Kiến tạo hiện đại và các tai biến địa chất liên quan ở vùng biển Việt Nam và lân cận. Tc CKHvTĐ, T.33, 3ĐB, 443-456.

66. Cao Đình Trọng, Cao Đình Triều, Nguyễn Đức Vinh, 2011: Ứng dụng mạng norol trong dự báo độ lớn (magnitude) động đất khu vực Tây Bắc Việt Nam. Tc CKHvTĐ, T.33, **2**, 151-163.

67. Phạm Bá Trung, Lê Đình Mậu, 2011: Hiện trạng xói lở - bồi tụ bờ biển tỉnh Bình Thuận. Tc CKHvTĐ, T.33, **3**, 322-328.

68. Thái Anh Tuấn, Lê Văn Dũng, Mai Xuân Bách, 2011: Đánh giá độ nguy hiểm động đất khu vực thành phố Hà Nội và lân cận trên cơ sở thuật toán tất định mới. Tc CKHvTĐ, T.33, **2**, 200-208.

69. Nguyễn Đăng Túc, Bùi Văn Thơm, Nguyễn Huy Thịnh, 2011: Kết quả nghiên cứu sụt lún đất ở Hà Trung - Hậu Lộc tỉnh Thanh Hoá. Tc CKHvTĐ, T.33, **3ĐB**, 493-500.

70. Đoàn Văn Tuyên, Nguyễn Văn Canh, 2011: Kết quả áp dụng phương pháp đo sâu điện phục vụ khảo sát đánh giá nguồn nước ngầm ở khu kinh tế - cảng Hòn La tỉnh Quảng Bình. Tc CKHvTĐ, T.33, **3ĐB**, 549-553.

71. Đoàn Văn Tuyên, Đinh Văn Toàn, 2011: Đặc điểm cấu trúc độ dẫn điện và mối quan hệ với dị thường địa nhiệt ở đới đứt gãy Sông Hồng. Tc CKHvTĐ, T.33, **2**, 119-125.

72. Trần Văn Tư, Đào Minh Đức, Trần Linh Lan, 2011: Đặc điểm địa chất công trình nền đê Sông Hồng khu vực Hà Nội và các tai biến địa chất liên quan. Tc CKHvTĐ, T.33, **3ĐB**, 480-492.

73. Trần Thị Vân, Hoàng Thái Lan, Lê Văn Trung, 2011: Nghiên cứu thay đổi nhiệt độ bề mặt đô thị dưới tác động của quá trình đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh bằng phương pháp viễn thám. Tc CKHvTĐ, T.33, **3**, 347-359.

74. Trần Anh Vũ, Lại Hợp Phòng, Dương Thị Ninh, Đặng Ngọc Thùy, 2011: Một số kết quả áp dụng phương pháp địa vật lý đánh giá đặc điểm phân bố karst trong vùng tai biến sụt đất ở huyện Thanh Ba - Phú Thọ. Tc CKHvTĐ, T.33, **3ĐB**, 561-566.